| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Thạch Văn Hoà

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Võ Văn T**. Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị Minh C**. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2024, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/01/2025, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:*

Ông Võ Văn T và bà Lê Thị Minh C quen biết, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng năm 2013. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc và có 02 người con là cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền

T1, sinh ngày 19/6/2017, các con hiện đang sống cùng với ông Võ Văn T. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Thời gian gần đây giữa ông và bà C phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được nữa, nên quyết định trả tự do cho nhau.

Nay ông Võ Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Minh C.

Về con chung: Ông Võ Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017 đến khi trưởng thành và yêu cầu bà Lê Thị Minh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vê tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/01/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về phần con chung: Ông Võ Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017 đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà Lê Thị Minh C cấp dưỡng nuôi con.

*Đối với bị đơn bà Lê Thị Minh C*: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lê Thị Minh C, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bà Lê Thị Minh C vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn ông Võ Văn T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Lê Thị Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T đối với bị đơn bà Lê Thị Minh C, giải quyết cho ông Võ Văn T và bà Lê Thị Minh C ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017 cho ông Võ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn T không yêu cầu bà Lê Thị Minh C cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Minh C; Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Lê Thị Minh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn ông Võ Văn T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn bà Lê Thị Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị Minh C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2013 cho nên quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Văn T và bà Lê Thị Minh C là hợp pháp. Ông Võ Văn T trình bày trong quá trình chung sống, giữa ông và bà Lê Thị Minh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành cho nên ông Võ Văn T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Minh C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn bà Lê Thị Minh C không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc ông Võ Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Minh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T và giải quyết cho ông Võ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Minh C.

[2] Về con chung: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị Minh C có 02 con chung là cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017. Ông Võ Văn T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Lê Thị Minh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay hai cháu Võ Hữu D và Võ Thị Huyền T1 đang sống chung với ông Võ Văn T, được ông Võ Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Võ Văn T. Đồng thời, từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay, bà Lê Thị Minh C cũng không phản đối việc ông Võ Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Võ Hữu D và Võ Thị Huyền T1, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Văn T, giao cả hai cháu Võ Hữu D và Võ Thị Huyền T1 cho ông Võ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Võ Văn T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Minh C.

- Về con chung:

Giao cháu Võ Hữu D, sinh ngày 18/12/2012 và cháu Võ Thị Huyền T1, sinh ngày 19/6/2017 cho ông Võ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Võ Hữu D và Võ Thị Huyền T1 đủ 18 (Mười tám) tuổi. Bà Lê Thị Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Võ Văn T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005187 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, ông Võ Văn T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn bà Lê Thị Minh C không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được

tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy Lam**